

Số: 80 /TM-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc thẩm tra Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp
hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Sơn Động

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng

Lời đầu tiên, Tổng công ty Điện lực - TKV là chủ đầu tư của Nhà máy nhiệt điện Sơn Động (Địa chỉ tại thôn Đồng Rì, xã Tây Yên tử, tỉnh Bắc Ninh) xin gửi lời chào trân trọng đến các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng.

Hiện nay, Tổng công ty Điện lực - TKV đang triển khai lập Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Sơn Động (các thông tin liên quan về NMNĐ Sơn Động được cung cấp theo phụ lục đính kèm) nhằm đáp ứng Quy chuẩn QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp.

Để có cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện thẩm tra Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Sơn Động, Tổng công ty Điện lực - TKV trân trọng kính mời các đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm báo giá chi phí thẩm tra Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Sơn Động.

* Yêu cầu về tính hợp lệ của báo giá:

- Tư vấn gửi báo giá kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các chứng chỉ chuyên môn có liên quan của tư vấn.

- Báo giá ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của tư vấn. Báo giá do đại diện hợp pháp hoặc nhân sự được uỷ quyền của tư vấn ký tên và đóng dấu.

- Báo giá có đầy đủ yếu tố cấu thành chi phí (phạm vi công việc, các chi phí liên quan, thuế, phí,...), tiến độ thực hiện, phương thức thanh toán,....

- Hiệu lực của Báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

- Thời gian nộp Báo giá: Chậm nhất ngày 06/3/2026.

* Báo giá Quý đơn vị gửi về địa chỉ của chủ đầu tư như sau:

Phòng Đầu tư, Tổng công ty Điện lực - TKV, tầng 16 toà nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Hà Nội (Ông Nguyễn Văn Trung -



điện thoại: 0976.932.916, e-mail: trungnv@vinacompower.vn).

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD B.M.Tân (e-copy, b/c);
- E-mail: truyenthongTKV@vinacomin.vn (để đăng tải);
- E-mail: quyennb@vinacompower.vn (để đăng tải);
- Các phòng: KT, AT (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT, nvt.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trung Thực

970
ÔNG
NG T
LỤC
CTC
ÔA -

PHỤ LỤC

(Đính kèm Thư mời báo giá số: 80 /TM-DLTKV ngày 25 /02/2026)

I. Giới thiệu chung về NMNĐ Sơn Động

Nhà máy nhiệt điện Sơn Động đặt tại thôn Đồng Rì, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh. Nhà máy nhiệt điện Sơn Động đốt than theo công nghệ tầng sôi tuần hoàn (CFB) với công suất hơi 433 tấn/giờ, gồm 2 tổ máy công suất định mức 220MW và công suất lớn nhất 228MW. Mỗi khối tổ máy gồm 1 lò hơi tầng sôi tuần hoàn (CFB), 1 tua bin ngưng hơi thuần tuý và 1 máy phát công suất 110MW, tần số 50 Hz. Hàng năm, Nhà máy nhiệt điện Sơn Động cung cấp cho Hệ thống điện Quốc gia khoảng 1,350 tỷ kWh điện.

II. Thông số kỹ thuật lò hơi

1. Thông số kỹ thuật chính của lò hơi

- Kiểu: HG-433/9,8-L-WM20;

- Nhà sản xuất: Harbin Boiler Company Limited;

- Lò hơi có bao hơi, tuần hoàn tự nhiên. Công nghệ đốt tầng sôi tuần hoàn, khử lưu huỳnh bằng đá vôi trong buồng đốt. Thông số lò như bảng kê dưới đây:

Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	BMCR	RO
Công suất hơi của lò	D	t/h	433	415
Áp lực hơi chính	pgr	MPa	9.8	9.8
Nhiệt độ hơi chính	tgr	°C	540	540
Nhiệt độ nước cấp	tgs	°C	236	234

2. Đặc tính than thiết kế

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị	
				Thiết kế	Phạm vi
1	Hàm lượng Cacbon	Car	%	53,72	52,75 ÷ 54,70
2	Hàm lượng Hydro	Har	%	0,98	0,65 ÷ 1,42
3	Hàm lượng Oxy	Oar	%	3,70	3,43 ÷ 3,95
4	Hàm lượng Nito	Nar	%	1,7	1,5 ÷ 1,90
5	Hàm lượng lưu huỳnh	St.ar	%	0,9	0,7 ÷ 1,4
6	Tỷ lệ tro xỉ/ <i>Ash content</i>	Aar	%	31	26,0 ÷ 33,63
7	Độ ẩm toàn phần	Mt	%	8,0	7,0 ÷ 9,5

34-C
Y
TKV
P
IP.HA

8	Hàm lượng chất bốc	Var	%	5,0	3,88 ÷ 5,70
9	Nhiệt trị thấp	Qnet.v.ar	KJ/kg	18464	16957 ÷ 19971
			Kcal/kg	4410	4050 ÷ 4770

3. Đặc tính than thực tế sử dụng (than cám 6b.3/6b.10/6b.4)

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị	
				Thiết kế	Thực tế
1	Hàm lượng Cacbon	Car	%	53,72	50,53
2	Hàm lượng Hydro	Har	%	0,98	1,18
3	Hàm lượng Oxy	Oar	%	3,70	2,41
4	Hàm lượng Nito	Nar	%	1,7	0,49
5	Hàm lượng lưu huỳnh	St.ar	%	0,9	0,68
6	Tỷ lệ tro xỉ	Aar	%	31	41,03
7	Độ ẩm toàn phần	Mt	%	8,0	3,67
8	Hàm lượng chất bốc	Var	%	5,0	4,99
9	Nhiệt trị thấp	Qnet.v.ar	Kcal/kg	4410	4097

II. Thông số kỹ thuật lọc bụi tĩnh điện

- Cấu hình: 01 hệ thống ESP/tổ máy, mỗi hệ thống gồm bốn trường điện, mỗi trường điện được chia thành 2 khoang;

- Hiệu suất bảo đảm của bộ lọc bụi tĩnh điện: $\geq 99,7\%$ (khi tất cả các điện trường hoạt động);

- Nồng độ phát thải: $\leq 100\text{mg}/\text{Nm}^3$;

- Tính phân bố khói đồng đều trên mặt cắt đầu vào bộ lọc bụi: $\delta \leq 0,2$;

- Trở lực bản thân bộ lọc bụi: $\leq 294\text{ Pa}$;

- Nhiệt độ khói tại đầu vào bộ lọc bụi: $161\text{ }^\circ\text{C}$;

- Số điện trường: 04;

- Tỷ suất lọt gió của bản thân bộ lọc bụi: $\leq 3\%$;

- Số giờ sử dụng trung bình trong năm: 6680h/năm;

- Số phễu tro của mỗi bộ lọc bụi: 08;

- Nhà sản xuất: Shanghai Metallurgical & Mining Machine Manufactory Factory.

